TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 07/2017/HNGĐ-ST
Ngày 31/5/2017
V/v *Ly hôn*.

NHÂN DANH
NỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Khánh Ph- ơng.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Hoạt.
2. Ông Nguyễn Kiên C- ờng.

***- Th- ký ghi biên bản phiên toà*:** Bà Đinh Kim Dung, cán bộ TAND thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Chuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2017 tại Hội tr- ờng xét xử Toà án nhân dân thành phố Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2017, về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2017 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Tổ 11B, ph- ờng ĐX, thành phố BK, tỉnh BK.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Ông Đào Tiến D, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Tổ 11B, ph- ờng ĐX, thành phố BK, tỉnh BK. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, Phú L- ơng, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Nguyên đơn là bà Phạm Thị Ngọc D trình bày:

Bà và ông Đào Tiến D, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 11B, ph- ờng ĐX, thành phố BK, tỉnh BK, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4 kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND ph- ờng ĐX, thành phố BK, tỉnh BK. Khi kết hôn, hai bên đều tự nguyện, có tổ chức c- ới hỏi theo phong tục địa ph- ơng. Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đã có hai con chung. Tuy nhiên, về sau thì phát hiện ông D nghiện ma túy, hiện nay ông D phạm tội liên quan đến ma túy đang chấp hành án tại Phân trại 6, Trại giam Phú Sơn 4. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà và và ông Đào Tiến D có hai con chung. Cháu đầu tên là Đào Ngọc D1, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2009, cháu thứ hai tên là Đào Ngọc D2, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2010. Nay ly hôn, do ông D đang chấp hành án nên bà yêu cầu đ- ợc nuôi d- ỡng cả hai cháu và không yêu cầu ông D đóng góp trợ cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và và ông Đào Tiến D không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai; biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 5 năm 2017 tại Phân trại 6, Trại giam Phú Sơn 4, Bị đơn là ông Đào Tiến D trình bày:

Quá trình hôn nhân, con chung và tài sản chung giữa hai vợ chồng đúng nh- nội dung bà Phạm Thị Ngọc D trình bày. Nay bà D có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố BK, tỉnh BK giải quyết ly hôn, đề nghị đ- ợc nuôi con chung và xác định hai vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung ông nhất trí. Đồng thời, ông cũng đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt, vì ông đang chấp hành án nên không có điều kiện tham gia giải quyết vụ án và có mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Ng- ời tiến hành tố tụng và Ng- ời tham gia tố tụng đ- ợc thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án: Hiện nay, ông Đào Tiến D đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc tr- ờng hợp không tiến hành hòa giải đ- ợc. Do vậy, quyết định đ- a vụ án ra xét xử là có căn cứ. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa hai đ- ơng sự là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết, nguyên và bị đơn thống nhất về quá trình hôn nhân, xác định cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn và đều nhất trí ly hôn. Do vậy, căn cứ điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình cần công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên đ- ơng sự.

[2] Tài sản chung và vay nợ chung: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận hai ng- ời không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét việc chia tài sản chung và vay nợ chung.

[3] Con chung: Hai vợ chồng có hai con chung. Khi ly hôn, bà Phạm Thị Ngọc D đề nghị đ- ợc nuôi con chung, ông Đào Tiến D cũng nhất trí nh- đề nghị của bà D vì ông đang chấp hành án không có điều kiện trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, do vậy đ- ợc công nhận.

Về cấp d- ỡng nuôi con chung, bà Phạm Thị Ngọc D không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông Đào Tiến D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng điều 55, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 35, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Ngọc D và ông Đào Tiến D.

2. Về con chung:

Giao cháu Đào Ngọc D1, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2009 và cháu Đào Ngọc D2, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2010 cho bà Phạm Thị Ngọc D trực tiếp chăm sóc và nuôi d- ỡng cho đến khi cháu D1và cháu D2 đủ 18 tuổi. Về cấp d- ỡng nuôi con chung, bà D không yêu cầu ông Đào Tiến D đóng góp.

Sau khi ly hôn, ông Đào Tiến D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Bà Phạm Thị Ngọc D và ông Đào Tiến D không có tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí:

Bà Phạm Thị Ngọc D chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, đ- ợc trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp ngày 03 tháng 3 năm 2017 theo biên lai số 05119 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

5. Việc thi hành án dân sự đ- ợc thực hiện theo các quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

□n xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc ngày bản án đ- ợc niêm yết tại nơi c- trú của bị đơn.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND thành phố Bắc Kạn;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Kạn;
- Ngời tham gia tố tụng;
- UBND ph- ờng Đức Xuân;
- Lu hồ sơ vụ án;
- Lu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khánh Ph- ơng